

Số: /BC-TCHC

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**  
**NĂM 2013**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100304
- Vốn điều lệ: 48.275.600.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 39424634
- Số fax: 04 39422350
- Website: www.coalimex.vn

*2. Quá trình hình thành và phát triển:*

- Công ty được thành lập từ ngày 01/01/1982 trên cơ sở chuyển Công ty Vật tư trực thuộc Bộ Điện Than thành Công ty Xuất Nhập khẩu Than và Cung ứng Vật tư “Coalimex” (trực thuộc Bộ Mỏ và Than, sau đó trực thuộc Bộ Năng lượng),

- Sau khi Tổng Công ty Than được thành lập ngày 10/10/1994 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/1995. Ngày 01/4/1995, Bộ Năng lượng ra quyết định số 137NL/TCCB chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Than và Cung ứng vật tư – Coalimex về trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam; Ngày 25/12/1996 đổi tên là Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế “Coalimex”.

- Ngày 01/12/2004 Bộ Công nghiệp có Quyết định số 149/QĐ-BCN chuyển Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex) nay là *Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)*, trong đó: vốn điều lệ của Công ty là 20 tỷ đồng, Nhà nước (Tổng công ty Than Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) chiếm 59% giữ cổ phần chi phối.

- Ngày 14/01/2005 Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, thông qua phương án kinh doanh của Công ty cổ phần;

- Ngày 25/01/2005 Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty số 0103006588;

- Ngày 22/12/2006 tại Quyết định số 245/QĐ-CLM Đại hội đồng cổ đông đã đổi tên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex) thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (V- Coalimex);

- Ngày 17/9/2010 tại Quyết định số 141/QĐ-CLM Đại hội đồng cổ đông đã đổi tên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (V-Coalimex) thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex).

- Ngày 06/11/2008 tại Giấy chứng nhận số 350/UBCK- GCN Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty;

- Ngày 26/12/2008 Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 lên 48.275.600.000 đồng; Theo đó tỷ lệ vốn của Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) tại Công ty thay đổi từ 59% thành 55% vốn điều lệ.

- Ngày 02/7/2009 Chủ tịch nước đã ký quyết định tặng Huân chương lao động hạng Nhất cho Công ty (Quyết định số 165/QĐ-CTN).

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

#### a, Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác: than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than; thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại; khoáng sản, kim khí, nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất; hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng; đồ uống, rượu, bia các loại; thuốc lá lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến; thiết bị viễn thông, điện tử; hàng điện máy, điện lạnh;

- Hoạt động xuất khẩu lao động, tư vấn du học nước ngoài;

- Dịch vụ cho thuê thiết bị, máy móc và ký gửi hàng hóa;

- Kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê;

- Dịch vụ vận tải hàng hóa;

- Đào tạo, giáo dục, định hướng cho người lao động Việt Nam đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu cát đã qua chế biến;

- Sản xuất, chế biến than mỏ và các khoáng sản khác;

- San lấp mặt bằng;

- Kinh doanh cảng, kho bãi;

- Kinh doanh các mặt hàng nông sản;

- Kinh doanh các mặt hàng thực phẩm tươi sống, đông lạnh, thủy hải sản;

- Kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao.

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

#### b, Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

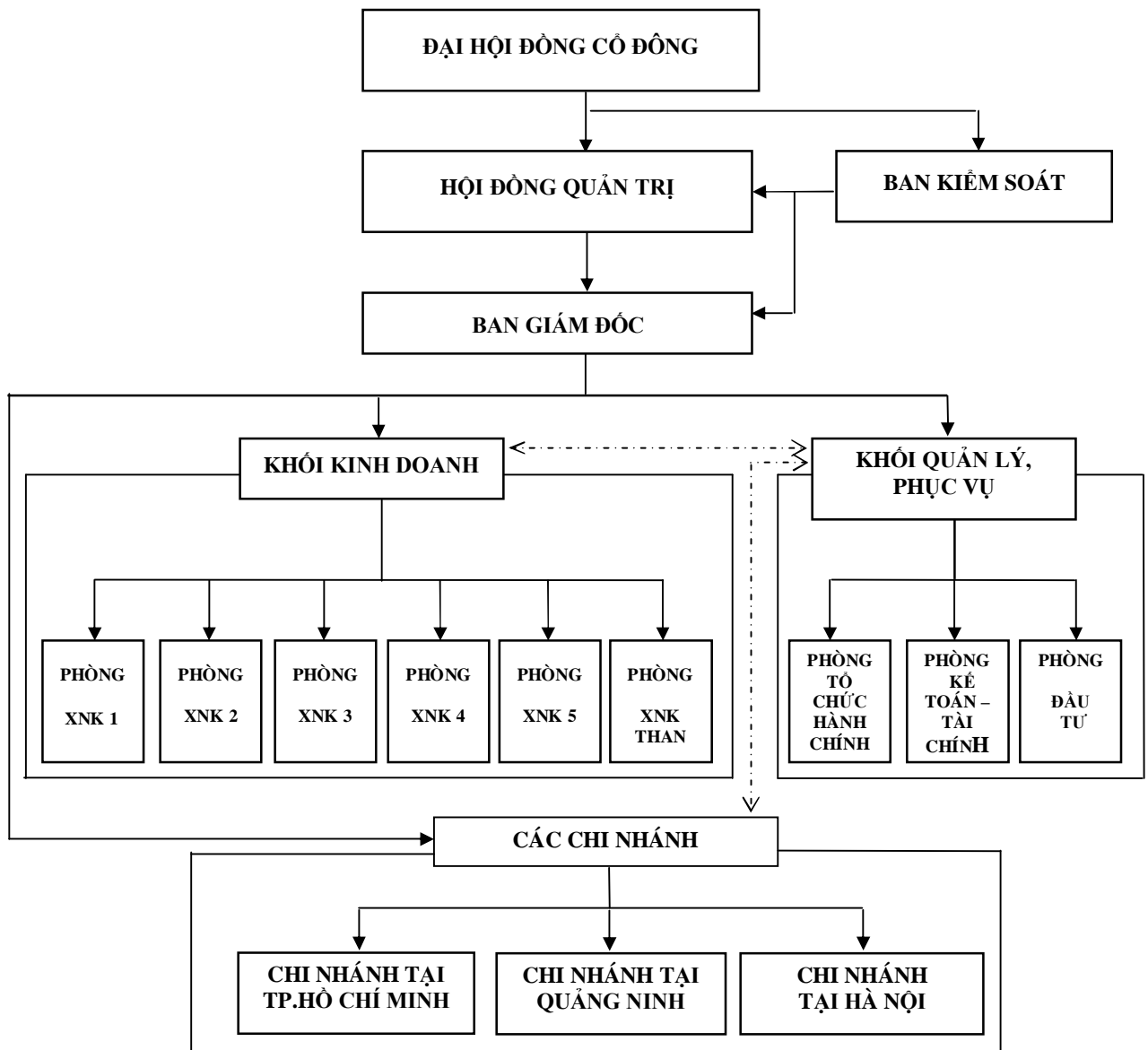
#### a, Mô hình quản trị:

- Hội đồng quản trị: 03 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch và 02 ủy viên

- Ban kiểm soát: 03 thành viên, gồm: 01 Trưởng ban và 02 ủy viên

#### b, Cơ cấu bộ máy quản lý

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY COALIMEX



c, Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

### 5. Định hướng phát triển:

- Định hướng của Công ty đảm bảo an toàn, đổi mới nhằm mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả;
- Phát triển công ty lớn mạnh cả về quy mô và chất lượng;
- Kinh doanh đa ngành nghề;
- Không ngừng tăng vốn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;

### 6, Các rủi ro:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và

chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty

- Đối với rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của Công ty.

Công ty chịu rủi ro do dự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

- Đối với rủi ro về tín dụng:

Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu của khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Đối với rủi ro thanh khoản:

Là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng than xuất khẩu	Tấn	2.450.000	1.448.420	59%
2	Tổng kim ngạch XNK	USD	249.624.000	178.025.572	71%
3	Tổng doanh thu	Tr. VND	1.065.100	1.325.751	124%

4	Giá trị sản xuất	Tr. VND	95.850	100.000	104%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. VND	22.760	37.759	166%
6	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/tháng	9,940	10,088	96%
7	Tỷ lệ cổ tức	%	16	26 (dự kiến)	163%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a, Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
Ông Phạm Hồng Khanh	63.400	1,31
Ông Nguyễn Thanh Hải	16.256	0,34
Bà Lê Thị Thu Trang	33.621	0,70

### b, Lý lịch trích ngang

#### **- Ông Phạm Hồng Khanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty**

- Họ và tên: **PHẠM HỒNG KHANH**
- Năm sinh: 15/01/1962
- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty
- Số CMND: 010533828 cấp ngày 01/9/2000 tại: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 29 Ngõ 125 - Vĩnh Phúc - Quận Ba Đình - Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số 29 Ngõ 125 - Vĩnh Phúc - Quận Ba Đình - Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành động cơ đốt trong - Đại học Bách khoa Hà Nội và Kỹ sư ngành Khai thác lộ thiên - Đại học mỏ địa chất

#### 11. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
04/1985 - 8/1986	Kỹ sư, cán bộ kỹ thuật - Xí nghiệp vật tư, vận tải và chế biến than
9/1986 - 9/1989	Trợ lý kỹ thuật - Trạm trưởng trạm kỹ thuật - Ban kỹ thuật E281 - F369 - Quân chủng phòng không
10/1989 - 9/1995	Phó phòng - Trưởng phòng Kế hoạch vật tư - Phó giám đốc Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than
10/1995 - 11/2002	Giám đốc Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than
12/2002 - 11/2005	Giám đốc Trung tâm XNK và Hợp tác đầu tư - Công ty Than Nội địa
12/2005 - 9/2006	Học tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ do Tập đoàn cử

10/2006 - 5/2007	Giám đốc Trung tâm XNK và Hợp tác đầu tư - Công ty Than Nội địa
5/2007 - 7/2007	Giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn – TKV
8/2007 - 3/2010	Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty CP XNK Than – TKV (Coalimex)
4/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP XNK Than – Vinacomin (Coalimex)

**- Ông Nguyễn Thanh Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó giám đốc Công ty**

- Họ và tên: **NGUYỄN THANH HẢI**
- Năm sinh: 31/01/1971
- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty
- Số CMND: 012208313 cấp ngày 17/3/2010 tại Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 43A, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: 12 TT Cty XL điện nước, tổ 34 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tuyển khoáng; Cử nhân kinh tế; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ công tác, nơi công tác</b>
6/1993 – 3/1995	Kỹ sư trung tâm KCS - Công ty Than Cẩm Phả - Quảng Ninh
4/1995 – 8/1996	Kỹ sư Công ty Hóa Chất Mỏ
9/1996 – 8/2003	Chuyên viên, Phó trưởng phòng XNK Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Quốc tế (Coalimex)
9/2003 - 5/2007	Trưởng phòng XNK – Công ty Coalimex
6/2007 – 9/2012	Phó Giám đốc Công ty Coalimex
10/2012 đến nay	Phó giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Coalimex

**- Bà Lê Thị Thu Trang - Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **LÊ THỊ THU TRANG**
- Ngày tháng năm sinh: 24/7/1978
- Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty
- Số CMND: 011904941 cấp ngày 24/10/2009 tại Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 80 Tổ 13E Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: Số 80 Tổ 13E Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

9. Trình độ văn hoá: 12/12  
 10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân ngoại ngữ  
 11. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
8/2000 - 8/2005	Chuyên viên Công ty XNK và HTQT (Coalimex).
9/2005 – 6/2006	Phó trưởng phòng Kế toán tài chính Công ty Coalimex
7/2006 – nay	Trưởng phòng Kế toán tài chính, Kế toán trưởng Coalimex

- Thay đổi thành viên Ban điều hành: Không
- Số lượng CNVC-LĐ và chính sách đối với người lao động:
  - + Tổng số lao động bình quân: 212 người.
  - + Chính sách đối với người lao động:

Hàng năm, người lao động trong Công ty được Công ty tổ chức cho đi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ.... đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc;

Được công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ; cấp phát thuốc phòng bệnh; điều dưỡng tập trung, tại chỗ; tổ chức đi nghỉ mát...

Công ty luôn đảm bảo, tạo điều kiện để người lao động được tham gia, xây dựng và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ như quy chế thực hiện dân chủ, quy chế quản lý tiền lương, quy chế Thi đua - Khen thưởng...

Thực hiện đầy đủ đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Công ty trong việc thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động như chế độ nghỉ hưu, bảo hiểm, trợ cấp...

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Đầu tư xây dựng công trình toà nhà văn phòng tại số 33 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội: tính đến ngày 31/12/2013 đã hoàn thành toàn bộ khối lượng xây dựng công trình, đang tổ chức nghiệm thu và cho thuê văn phòng.

### 4. Tình hình tài chính

#### a, Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	1.012.396.402.334	1.262.676.600.803	
<b>Doanh thu thuần</b>	1.018.029.789.774	1.325.750.791.962	
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	34.356.256.252	36.420.912.042	
<b>Lợi nhuận khác</b>	2.738.696.709	1.337.628.366	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	37.094.952.961	37.758.540.408	
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	26.314.297.960	27.835.318.108	
<b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</b>	26%	26%	

#### b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ <b>Hệ số thanh toán ngắn hạn:</b>	1,10	1,08	
<b>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</b>			
+ <b>Hệ số thanh toán nhanh:</b>	0,93	0,88	
<b>TSLĐ - Hàng tồn kho</b>			
<b>Nợ ngắn hạn</b>			

<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,89	0,90	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	7,90	9,21	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	7,99	7,06	
<b><u>Giá vốn hàng bán</u></b>			
<b>Hàng tồn kho bình quân</b>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,01	1,05	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,54%	2,10%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	23,13%	22,4%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,60%	2,20%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,37%	2,75%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a, Cổ phần:**

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 4.827.560 cổ phiếu
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.827.560 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có
- Cổ tức: dự kiến 26% mệnh giá.

**b, Cơ cấu cổ đông:**

- Cổ đông Nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
  - + Tổng vốn góp: 26.750.600.000 đồng
  - + Tỷ lệ: 55,41% VDL
- Cổ đông khác (tính đến thời điểm 31/12/2013): 142 cổ đông
  - + Tổng số vốn góp: 21.525.000.000 đồng
  - + Tỷ lệ: 44,59% VDL
- Cổ đông lớn:
  - + Cổ đông tổ chức: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
  - Địa chỉ liên lạc: Số 226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội
  - Mã số doanh nghiệp: 5700100256
- Cổ đông nước ngoài: Không
- Cổ đông trong nước: 143
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Năm 2013 Công ty không có sự thay đổi về vốn điều lệ.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất:**

Năm 2013, Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu đề ra.



## 2. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính lành mạnh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013: 1.262.676.600.803 đồng

## 3, Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện tốt công tác xuất nhập khẩu than theo sự phân công và chỉ đạo của Tập đoàn Vinacomin.

- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh phấn đấu tăng trưởng về giá trị sản xuất năm sau cao hơn năm trước;

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển trên nhiều lĩnh vực đảm bảo cả số lượng, chất lượng và mục tiêu chiến lược của Công ty.

- Giữ vững và phát huy thế mạnh trong lĩnh vực nhập khẩu phục vụ ngành công nghiệp than – khoáng sản, mở rộng hoạt động kinh doanh một cách chọn lọc với các đối tác ngoài ngành than.

- Sắp xếp và đổi mới hoạt động kinh doanh xuất khẩu lao động, đưa loại hình kinh doanh này trở lại ổn định, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Lợi nhuận, cổ tức tăng hàng năm;

- Xây dựng và phát triển các nhân tố mới phù hợp với quy mô, tốc độ phát triển của công ty;

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

### 1, Về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013; Bảo toàn và phát triển vốn.

### 2, Về hoạt động của Ban giám đốc

- Ban giám đốc Công ty và bộ máy giúp việc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vượt một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2013.

- Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc đã có nhiều đề xuất đúng đắn, kịp thời, sát với thực tiễn giúp Hội đồng quản trị đưa ra các định hướng và quyết định chính xác, nhanh nhạy trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giám đốc Công ty và những người được ủy quyền đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, không để xảy ra thiệt hại về kinh tế.

### 3, Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Nghiêm túc thực hiện đúng quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT ghi trong Điều lệ Công ty. Đảm bảo việc ban hành Nghị quyết, Quyết định kịp thời, thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác bảo toàn và phát triển vốn thực hiện tốt.

- Nghiên cứu phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh mới mà Công ty có lợi thế để bù đắp suy giảm từ hoạt động xuất khẩu than theo định hướng của Nhà nước.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị:

a, Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
Ông Phạm Hồng Khanh	63.400	1,31
Ông Nguyễn Thanh Hải	16.256	0,34
Ông Nguyễn Văn Cứ	194.298	4,02

b, Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Thực hiện chức năng quản lý và giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy giúp việc, HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ của Công ty. Trong năm 2013 HĐQT có 11 cuộc họp và đã ban hành 11 Nghị quyết với các nội dung công việc chủ yếu như sau:

+ Phê duyệt thưởng ban quản lý điều hành Công ty; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty;

+ Phê duyệt giao cho Giám đốc Công ty ký các hợp đồng tín dụng năm 2013 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;

+ Phê duyệt quyết toán tiền lương Công ty, Giám đốc Công ty năm 2012 và Kế hoạch quỹ tiền lương của Giám đốc Công ty năm 2013.

+ Phê duyệt bổ nhiệm lại cán bộ quản lý cấp Công ty;

+ Phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2013;

+ Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2014

+ Một số nội dung khác.

- Năm 2013 là năm thứ tư Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành. Trong năm 2013, Giám đốc Công ty và bộ máy giúp việc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vượt mức kế hoạch SXKD.

2. Ban kiểm soát:

a, Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
Ông Trần Thế Thành	1.300	0,03
Ông Hoàng Đức Phương	20.776	0,43
Bà Bùi Thị Minh Thư	10.000	0,21

b, Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

- Hàng quý, căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty lập, Ban đã tổ chức kiểm tra, kiểm soát theo chức năng quy định tại Điều lệ, trong đó trong năm Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính; kiểm soát quản lý và sử dụng tiền lương, các quỹ, công tác đầu tư xây dựng; Thông qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu; các chỉ tiêu: Vốn – tài sản và phân phối lợi nhuận năm 2013; Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013; Chuẩn bị các báo cáo của Ban kiểm soát để phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

- HĐQT và BKS đều hoạt động kiêm nhiệm và đã hưởng lương, thưởng theo công việc chuyên môn. Ngoài ra được hưởng thêm phần phụ cấp trách nhiệm hàng tháng như sau:

Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng = Hệ số lương bậc 2/2 theo hạng doanh nghiệp của chức danh chuyên trách tương ứng x Mức lương tối thiểu Nhà nước quy định x 30%.

- Chi phí phụ cấp cả năm của HĐQT và BKS là: 122.324.400 đồng.

Toàn bộ chi phí trên được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty.

- Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2013:

1. Bà Lê Thị Thu Trang - Kế toán trưởng: mua 5000 cổ phần

## V. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Toàn văn Báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và của Công ty: [www.coalimex.vn](http://www.coalimex.vn).

#### Nơi nhận:

- UBCKNN;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Lưu: VT, TCHC, KTTC, Tký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Hồng Khanh**